Dự báo điểm chuẩn Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2024

Thời gian: 19-07-2024

Đại học Bách khoa Hà Nội vừa công bố dự báo điểm chuẩn tuyển sinh theo điểm thi Đánh giá tư duy (TSA) và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Lưu ý: Điểm chuẩn dự báo chỉ mang tính chất tham khảo và hỗ trợ thí sinh trong quá trình đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Đại học Bách khoa Hà Nội.

Để hỗ trợ các thí sinh đưa ra quyết định về việc lựa chọn nguyện vọng một cách hợp lý nhất, Đại học Bách khoa Hà Nội đưa ra dự báo điểm chuẩn cho 64 chương trình đào tạo tuyển sinh năm 2024. Căn cứ theo điểm chuẩn các năm gần đây, số lượng tuyển sinh theo từng phương thức của các năm gần đây, xu thế lựa chọn các chương trình đào tạo, kết quả thi TSA, thi tốt nghiệp THPT và chỉ tiêu năm 2024, mô hình dự báo điểm chuẩn tuyển sinh các chương trình của Đại học Bách khoa Hà Nội theo điểm thi năm 2024 cho kết quả như sau:

Nhóm số 1:

Mã tuyển sinh: IT1, Chương trình: CNTT: Khoa học máy tính, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 75+, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 28+

Mã tuyển sinh: IT2, Chương trình: CNTT Kỹ thuật Máy tính, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 75+, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 28+

Mã tuyển sinh: IT-E10, Chương trình: Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (CT tiên tiến), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 75+, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 28+

Nhóm số 2:

Mã tuyển sinh: EE2, Chương trình: Kỹ thuật Điều khiển – Tự động hoá, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 70-75, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 27-28

Mã tuyển sinh: IT-E15, Chương trình: An toàn không gian số - Cyber Security (CT tiên tiến), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 70-75, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 27-28

Mã tuyển sinh: IT-E6, Chương trình: Công nghệ thông tin (Việt – Nhật), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 70-75, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 27-28

Mã tuyển sinh: IT-E7, Chương trình:Công nghệ thông tin (Global ICT), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 70-75, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 27-28

Mã tuyển sinh: IT-EP, Chương trình: Công nghệ thông tin (Việt – Pháp), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 70-75, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 27-28

Nhóm số 3:

Mã tuyển sinh: ET1, Chương trình: Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 63-69, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 26-27.5

Mã tuyển sinh: ME1, Chương trình: Kỹ thuật cơ điện tử, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 63-69, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 26-27.5

Mã tuyển sinh: MI1, Chương trình: Toán - Tin, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 63-69, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 26-27.5

Mã tuyển sinh: MI2, Chương trình: Hệ thống thông tin quản lý, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 63-69, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 26-27.5

Mã tuyển sinh: MS2, Chương trình: Kỹ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 63-69, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 26-27.5

Nhóm số 4:

Mã tuyển sinh: EE-E8, Chương trình: Kỹ thuật Điều khiển – Tự động hoá (CT tiên tiến), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 61-65, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 25.25-27

Mã tuyển sinh: ET-E16, Chương trình: Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện (CT tiên tiến), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 61-65, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 25.25-27

Mã tuyển sinh: ET-E4, Chương trình: Kỹ thuật Điện tử- Viễn thông (CT tiên tiến), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 61-65, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 25.25-27

Mã tuyển sinh: ET-E9, Chương trình: Hệ thống nhúng thông minh và IoT (CT tiên tiến), Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 61-65, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 25.25-27

Mã tuyển sinh: TE1, Chương trình: Kỹ thuật ô tô, Khoảng dự báo điểm chuẩn ĐGTD: 61-65, Khoảng dự báo điểm chuẩn TNTHPT: 25.25-27

Nhóm số 5:

Mã chương trình: EE1, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Điện, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 58.5 - 62.5, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Mã chương trình: EE - EP, Tên chương trình đào tạo: Tin học công nghiệp và Tự động hóa (Chương trình Việt - Pháp PFIEV), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 58.5 - 62.5, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Mã chương trình: ME - E1, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Cơ điện tử (Chương trình tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 58.5 - 62.5, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Mã chương trình: TE3, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hàng không, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 58.5 - 62.5, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Mã chương trình: TE - E2, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Ô tô (Chương trình tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 58.5 - 62.5, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Mã chương trình: TROY - IT, Tên chương trình đào tạo: Khoa học máy tính - Hợp tác với Đại học Troy (Hoa Kỳ), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 58.5 - 62.5, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Nhóm số 6:

Mã chương trình: CH - E11, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hóa dược (CT tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 57 - 60, Điểm chuẩn TN THPT: 23.75 - 26

Mã chương trình: EE - E18, Tên chương trình đào tạo: Hệ thống điện và năng lượng tái tạo (CT tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 57 - 60, Điểm chuẩn TN THPT: 23.75 - 26

Mã chương trình: ET2, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Y sinh, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 57 - 60, Điểm chuẩn TN THPT: 23.75 - 26

Mã chương trình: ET - E5, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Y sinh (CT tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 57 - 60, Điểm chuẩn TN THPT: 23.75 - 26

Mã chương trình: ME2, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 57 - 60, Điểm chuẩn TN THPT: 23.75 - 26

Mã chương trình: TE2, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí động lực, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 57 - 60, Điểm chuẩn TN THPT: 23.75 - 26

Mã chương trình: EM3, Tên chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 57 - 60, Điểm chuẩn TN THPT: 24.5 - 26.5

Mã chương trình: EM - E14, Tên chương trình đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (CT tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 57 - 60, Điểm chuẩn TN THPT: 24.5 - 26.5

Nhóm số 7:

Mã chương trình: BF1, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Sinh học, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: BF2, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Thực phẩm, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: BF - E12, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Thực phẩm (Chương trình tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: BF - E19, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Sinh học (Chương trình tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: CH1, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hoá học, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: CH2, Tên chương trình đào tạo: Hoá học, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: ET - LUH, Tên chương trình đào tạo: Điện tử - Viễn thông - hợp tác với Đại học Leibniz Hannover (Đức), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: HE1, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Nhiệt, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: ME - GU, Tên chương trình đào tạo: Cơ khí - Chế tạo máy - hợp tác với Đại học Griffith (Úc), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: ME - LUH, Tên chương trình đào tạo: Cơ điện tử - hợp tác với Đại học Leibniz Hannover (Đức), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Dưới đây là dữ liệu trích xuất từ ảnh của bạn theo cấu trúc yêu cầu mà không đánh số:

Mã chương trình: ME - NUT, Tên chương trình đào tạo: Cơ điện tử - hợp tác với Đại học Công nghệ Nagaoka (Nhật Bản), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: MS1, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Vật liệu, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: MS3, Tên chương trình đào tạo: Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: MS5, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật in, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: PH1, Tên chương trình đào tạo: Vật lý kỹ thuật, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: PH2, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật hạt nhân, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: PH3, Tên chương trình đào tạo: Vật lý Y khoa, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: TE - EP, Tên chương trình đào tạo: Cơ khí hàng không (Chương trình Việt - Pháp PFIEV), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: EM4, Tên chương trình đào tạo: Kế toán, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Mã chương trình: EM5, Tên chương trình đào tạo: Tài chính - Ngân hàng, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Mã chương trình: EM - E13, Tên chương trình đào tạo: Phân tích kinh doanh (CT tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 53.25 - 56.75, Điểm chuẩn TN THPT: 24.25 - 26.25

Nhóm số 8:

Mã chương trình: EV1, Tên chương trình đào tạo: Kỹ thuật Môi trường, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 20 - 22.75

Mã chương trình: EV2, Tên chương trình đào tạo: Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 20 - 22.75

Mã chương trình: MS - E3, Tên chương trình đào tạo: Khoa học và kỹ thuật vật liệu (Chương trình tiên tiến), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 20 - 22.75

Mã chương trình: TX1, Tên chương trình đào tạo: Công nghệ Dệt May, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 20 - 22.75

Mã chương trình: ED3, Tên chương trình đào tạo: Quản lý giáo dục, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 21.5 - 24.25

Mã chương trình: ED2, Tên chương trình đào tạo: Công nghệ giáo dục, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 23.25 - 25.5

Mã chương trình: EM1, Tên chương trình đào tạo: Quản lý năng lượng, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 23.25 - 25.5

Mã chương trình: EM2, Tên chương trình đào tạo: Quản lý công nghiệp, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 23.25 - 25.5

Mã chương trình: FL1, Tên chương trình đào tạo: Tiếng Anh KHKT và Công nghệ, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 23.25 - 25.5

Mã chương trình: FL2, Tên chương trình đào tạo: Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế, Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 23.25 - 25.5

Mã chương trình: TROY - BA, Tên chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh - hợp tác với Đại học Troy (Hoa Kỳ), Điểm chuẩn ĐGTD(TSA): 50 - 52.75, Điểm chuẩn TN THPT: 23.25 - 25.

Theo đó, năm 2024, chương trình đào tạo của Đại học Bách khoa Hà Nội có điểm chuẩn dự báo cao nhất thuộc về lĩnh vực Công nghệ thông tin với ngành: Khoa học máy tính (IT1), Kỹ thuật máy tính (IT2) và Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ Nhân tạo (IT-E10). Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, nhu cầu nhân lực của nhóm ngành Công nghệ Thông tin ngày càng gia tăng nên nhu cầu lao động lớn. Điểm chuẩn dự báo của nhóm ngành này luôn nằm trong top cao nhất của Đại học Bách khoa Hà Nội trong những năm gần đây.   
Cũng theo bảng dự báo, điểm chuẩn thấp nhất dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT trong khoảng 20 - 22,75 điểm. Các ngành trong nhóm này là Kỹ thuật Môi trường (EV1), Quản lý Tài nguyên và Môi trường (EV2), CTTT Khoa học và kỹ thuật vật liệu (MS-E3), Công nghệ Dệt May (TX1). Mức dự báo năm 2024 của các ngành này có sự tăng nhẹ so với mức dự báo năm 2023 là 0,75 điểm.  
**Ngưỡng đảm bảo chất lượng**  
Đối với phương thức xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT, ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu có thể đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 20 điểm theo thang điểm 30; Đối với phương thức xét tuyển theo điểm thi Đánh giá tư duy (TSA), ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu là 50 điểm theo thang điểm 100. Ngưỡng điểm xét tuyển trên áp dụng cho tất cả các chương trình đào tạo của Bách khoa Hà Nội. Cách thức tính điểm xét tuyển theo từng loại điểm được mô tả như sau:  
 ***Điểm xét theo điểm thi TNTHPT = Điểm theo tổ hợp + Điểm ưu tiên (nếu có)  
Điểm xét theo điểm thi ĐGTD = Điểm thi TSA + Điểm ưu tiên (quy đổi về thang 100) + Điểm thưởng (nếu có)***

Thí sinh cũng cần lưu ý yêu cầu về Ngoại ngữ khi đăng ký vào các chương trình học tập bằng tiếng Anh, ngành ngôn ngữ Anh và các chương trình liên kết đào tạo quốc tế (xem chi tiết trong Đề án tuyển sinh).  
Năm 2024, Đại học Bách khoa Hà Nội tuyển 9.260 chỉ tiêu bằng 3 phương thức gồm: Xét tuyển tài năng (~20%); Xét tuyển dựa theo kết quả bài thi đánh giá tư duy (~30%); Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2024 (~50%).  
 **THÍ SINH “NẰM LÒNG” 3 NGUYÊN TẮC KHI ĐẶT NVXT**

 1. Sắp xếp thứ tự nguyện vọng theo mức độ yêu thích và phù hợp của bản thân;  
2. Tham khảo điểm chuẩn dự báo để lựa chọn thêm các nguyện vọng khác, giúp tăng khả năng trúng tuyển;  
  
3. Khi tìm hiểu các chương trình đào tạo của Đại học Bách khoa Hà Nội, thí sinh và phụ huynh có thể liên hệ đến các kênh tuyển sinh và các chương trình đào tạo của Nhà trường để có những thông tin đầy đủ nhất.  
  
Bách khoa Hà Nội đợi các bạn!